

Bản án số: 314/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08/10/2018
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoanh

Bà Nguyễn Thị Mừng

- Thư ký Tòa án: Bà Lê Thị Thùy Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 306/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về việc “*Không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HPT ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T; trú tại: thôn G, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn N; trú tại: thôn G, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ bà Nguyễn Thị T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân:

Bà T và ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình chấp thuận. Sau ngày tổ chức lễ cưới bà T và ông N chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không có trách nhiệm với gia đình, tối ngày cờ bạc, có quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác về nhà kiếm chuyện gây gổ rồi dùng bạo lực đánh đập bà T. Mặc dù cùng chung sống trong gia đình nhưng tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai. Từ tháng 7 năm 2018 đến nay bà T bỏ đi không còn chung sống với ông N.

Bà T thấy không còn thương yêu, tin tưởng nhau nữa. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông N là vợ chồng.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 10 tháng 9 năm 2018 của ông N (bị đơn) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông N thừa nhận chung sống như vợ chồng với bà Thanh từ năm 1989 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra là do công việc làm ăn của ông không thuận lợi dẫn đến vợ chồng lời qua tiếng lại và bà T đã bỏ đi từ tháng 7 năm 2018 đến nay không còn chung sống với ông N.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông N và bà T là vợ chồng thì ông không đồng ý mà mong muốn tiếp tục chung sống với nhau.

2. Về con chung:

Bà Thanh khai trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 con chung:

- Đoàn Thị Thanh B, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1990;

- Đoàn Thị Bình P, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1993;

- Đoàn Thị Phương T, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1999.

Tất cả các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án can thiệp.

Ông N công nhận vợ chồng có 03 con chung và đã trưởng thành như bà T khai.

3. Về tài sản chung:

Bà T và ông N cùng khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Bà T và ông N cùng khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng ông N cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N là đúng với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, mặc dù hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn N là vợ chồng phù hợp với điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Bà T và ông N cùng khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp nên không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà T và ông T cùng khai không có nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải nộp 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đoàn N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Đoàn N là vợ chồng.
2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.
3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 11249 ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

